

75 NĂM TUYÊN NGÔN THẾ GIỚI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

★ PGS, TS NGUYỄN THANH TUẤN

● **Tóm tắt:** Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 thể hiện nhận thức chung của các quốc gia về quyền con người, xác lập các chuẩn mực và nguyên tắc cơ bản về quyền con người và kết tinh các giá trị văn hóa nhân quyền trên thế giới. Tuy nhiên, Tuyên ngôn cũng có những giới hạn lịch sử là: nhấn mạnh tính phổ biến mà bỏ qua tính đặc thù về nhân quyền; chú trọng xem xét quyền cá nhân mà bỏ qua các quyền tập thể và trình bày giản lược mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ. Hiện nay, trên cơ sở những thành tựu và hạn chế, bất cập trong thực hiện Tuyên ngôn, Việt Nam đang tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tích cực góp phần giải quyết những vấn đề nhân quyền toàn cầu và xây dựng, hoàn thiện cơ sở pháp lý để bảo đảm các quyền con người.

● **Từ khóa:** Tuyên ngôn thế giới về quyền con người.

1. Bối cảnh, nội dung của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người

Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (*Universal Declaration of human Rights* - UDHR) ra đời không phải ngẫu nhiên, mà phản ánh sự đòi hỏi của thời đại, trong một hoàn cảnh chính trị đặc biệt và hiểm cớ - khi nhân loại vừa trải qua cuộc chiến tranh thảm khốc do chủ nghĩa phát xít gây ra, khi các quốc gia, dân tộc, không phân biệt hệ tư tưởng, chế độ chính trị gặp nhau ở nhận thức chung về những gì mà tất cả các thành viên nhân loại phải cùng chung sức bảo vệ - đó chính là quyền con người⁽¹⁾.

Trong Hiến chương Liên hợp quốc (LHQ) gồm 19 chương, 111 điều, các quyền con người được nêu 7 lần. Tuy vậy, Hiến chương chưa đề

cập đến định nghĩa và không xác định một cơ chế cụ thể để bảo đảm quyền con người tại các quốc gia thành viên. Theo khuyến nghị của LHQ, Ủy ban quyền con người được thành lập năm 1946 (từ năm 2006 được cải tổ thành Hội đồng nhân quyền). Ủy ban ủy quyền cho một nhóm thành viên, sau này được gọi là Ủy ban soạn thảo Tuyên ngôn. Đến phiên họp ngày 10-12-1948 ở Paris, Đại hội đồng LHQ đã thông qua bản Tuyên ngôn nổi tiếng bằng Nghị quyết 217A (III).

Khái quát chung: Ngoài Lời mở đầu, nội dung Tuyên ngôn gồm 30 điều. Trong đó, từ Điều 1 đến Điều 21 quy định về các quyền dân sự, chính trị, gồm: Quyền tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền; quyền không bị bắt, giam

giữ một cách vô cớ; quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo,...

Từ Điều 22 đến Điều 29, quy định về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, như: Quyền được hưởng an sinh xã hội; quyền được làm việc, tự do chọn nghề nghiệp, trả lương bình đẳng, quyền nghỉ ngơi, vui chơi và giải trí; quyền có mức sống thích đáng;...

Những quy định này được xác định là các nguyên tắc, chuẩn mực chung về quyền con người đối với tất cả các dân tộc và các quốc gia trong cộng đồng nhân loại. Điều 30 quy định không một điều khoản nào trong bản Tuyên ngôn này có thể được giải thích với hàm ý cho phép bất kỳ quốc gia nào, nhóm hoặc cá nhân có quyền làm bất kỳ điều gì nhằm phá hủy các quyền và tự do nêu trong bản Tuyên ngôn này.

Sự khác biệt tương đối giữa nội dung hai nhóm quyền dân sự, chính trị và kinh tế, xã hội, văn hóa.

Hiện nay chưa có định nghĩa hay giải thích chính thức trong một văn kiện quốc tế về khái niệm quyền chính trị. Mặc dù vậy, các quyền chính trị có thể được hiểu một cách đơn giản là các quyền của cá nhân được tham gia một cách trực tiếp và gián tiếp vào công việc của nhà nước và xã hội, bao gồm cả việc thành lập và quản lý nhà nước.

Quyền dân sự được hiểu là những quyền cá nhân, gắn chặt với nhân thân của mỗi người, chỉ cá nhân mới có thể sử dụng độc lập và không thể chuyển giao cho người khác (quyền sống, quyền tự do đi lại, cư trú...). Trong khi đó, để thực hiện các quyền chính trị, cá nhân phải tham gia cùng với những người khác, như quyền hội họp hòa bình, quyền bầu cử,... So với việc thực hiện các quyền dân sự, thì mức độ thực hiện các quyền chính trị bao giờ cũng kèm theo những giới hạn nhất định, như: vì lý do an

ninh quốc gia, trật tự công cộng, quyền và tự do của người khác,...

Với cách hiểu này, nội hàm khái niệm quyền chính trị chỉ chủ yếu đề cập tới quyền về bầu cử, quyền ứng cử,... Nhưng do sự phát triển của dân chủ, khái niệm quyền chính trị ngày càng được mở rộng, bao gồm cả việc tham gia cùng với nhà nước quyết định các vấn đề chính trị trọng đại của đất nước, như quyết định về thể chế chính trị, hình thức chính phủ, sửa đổi hiến pháp,... Các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa được hiểu là các quyền cá nhân và cả quyền cộng đồng. Nếu các quyền dân sự, chính trị được hiện thực hóa - có thể tức thời, thì các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa được hiện thực hóa từng bước, tương ứng với nguồn lực sẵn có của quốc gia.

2. Ý nghĩa và những giới hạn lịch sử của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người

Thứ nhất, kế thừa nên tảng chung của các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế về quyền con người đã đạt được trong di sản văn hóa của nhân loại

Trên cơ sở những định hướng của Hiến chương LHQ, Tuyên ngôn kế thừa nhiều nguyên tắc và chuẩn mực quyền con người trong những văn kiện pháp lý của Hội Quốc liên (1919-1939), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Tổ chức Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế được thành lập từ đầu thế kỷ XX,... Tuyên ngôn cũng kế thừa một số văn bản pháp luật quốc gia nổi tiếng thế giới, như Hiến chương Magna Carta của nước Anh (năm 1215), Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ (năm 1776), Hiến pháp Mỹ (năm 1787), Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền của nước Pháp (năm 1789),...

Các chuẩn mực nhân quyền cơ bản trong Tuyên ngôn, nhìn chung đều xuất phát từ những văn kiện pháp lý của một số tổ chức quốc tế ra đời từ đầu thế kỷ XX và những quy phạm tiến bộ

của một số văn kiện pháp lý nổi tiếng của Anh, Mỹ và Pháp. vì thế, Tuyên ngôn có ý nghĩa lịch sử to lớn và phù hợp với xu thế phát triển của thế giới hiện đại. Cho đến nay, các quốc gia trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị, hệ tư tưởng, trình độ phát triển và bản sắc văn hóa, đều coi việc thực hiện văn kiện này là một nghĩa vụ chung. Vì thế, ngày 10-12-1948 - ngày thông qua Tuyên ngôn, được tôn vinh là Ngày nhân quyền quốc tế và được các nước trên thế giới kỷ niệm sự kiện này hàng năm.

Thứ hai, góp phần xác lập các chuẩn mực và nguyên tắc nhân quyền cơ bản trên thế giới

Đóng góp chính của Tuyên ngôn là: Công bố các chuẩn mực chung về quyền con người cho tất cả các dân tộc và các quốc gia phấn đấu để đạt được; đồng thời nêu các nguyên tắc cơ bản, như: không bị phân biệt đối xử, được thừa nhận bình đẳng trước pháp luật; được bảo vệ không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục; không bị bắt, giam giữ tùy tiện; đối xử nhân đạo và tôn trọng nhân phẩm của những người bị tước tự do; được xét xử công bằng;... Tuyên ngôn thể hiện nhất quán triết lý chung và nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trên lĩnh vực quyền con người; bổ sung và phát triển khái niệm quyền con người ở cấp độ mới, vượt khỏi quan niệm nội địa Âu - Mỹ trước đây; xác định việc thực hiện quyền con người là mục tiêu chung của nhân loại; và chủ trương thiết lập một trật tự xã hội và quốc tế phù hợp để thúc đẩy việc thực hiện quyền con người; phủ nhận tính tuyệt đối của các quyền con người, bằng việc gắn kết chặt chẽ giữa các quyền và nghĩa vụ; và xác lập trách nhiệm của các quốc gia, nhóm hoặc cá nhân trong việc thực hiện nghĩa vụ về quyền con người hoặc tự do đã được nêu trong Tuyên ngôn.

Thứ ba, kết tinh các giá trị văn hóa nhân quyền trên thế giới

Với những đóng góp đó, cho đến nay, Tuyên ngôn đã vượt qua được sự thử thách khắc nghiệt của thời gian. Vì Tuyên ngôn kết tinh những giá trị văn hóa tinh thần, đặc biệt là sự tôn trọng phẩm giá con người theo tinh thần nhân đạo - khoan dung vốn là những giá trị vốn có của các quốc gia, dân tộc mà không phân biệt hệ tư tưởng, chế độ chính trị và bản sắc văn hóa.

Tuyên ngôn được đánh giá là đã mở ra một kỷ nguyên mới trong cam kết quốc tế về quyền tự do của con người. Tuyên ngôn là một tuyên bố chính trị, nhưng văn kiện này đã đề cập tới nhiều phương diện, từ cơ sở triết học đến chính trị và pháp lý về quyền con người. Tuy không phải là một văn kiện có tính ràng buộc về tinh thần, song giá trị đạo đức, nhân văn, chính trị và pháp lý của văn kiện này cao hơn bất cứ một văn kiện nhân quyền nào khác.

Văn kiện này cũng đã tính đến khả năng những cá nhân và tổ chức có thể lợi dụng nhân quyền để xâm phạm đến quyền của người khác và lợi ích của xã hội. Vì thế, Điều 29 của Tuyên ngôn quy định: "Mỗi người đều có nghĩa vụ đối với cộng đồng,... Mỗi người trong khi hưởng thụ các quyền và tự do cho cá nhân, chỉ phải chịu những hạn chế do luật định nhằm mục đích duy nhất là bảo đảm việc thừa nhận và sự tôn trọng đối với các quyền và tự do của những người khác...và đòi hỏi chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng... trong một xã hội dân chủ"⁽²⁾.

Tuyên ngôn và các công ước quốc tế về quyền con người được xem là nguồn cơ bản trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật nhằm bảo vệ quyền công dân, quyền con người của các quốc gia. Dựa trên Tuyên ngôn và các công ước, các cơ quan nhân quyền của LHQ đã ra đời, tạo thành một cơ chế quốc tế bảo vệ quyền con

người. Quyền con người từ chỗ là chế định pháp luật ở một số quốc gia nay đã trở thành mối quan tâm chung của cộng đồng quốc tế; hơn nữa, trở thành pháp luật quốc tế về quyền con người. Cơ chế bảo vệ nhân quyền hiện nay đã được tổ chức, hoạt động ở hầu hết các châu lục và tại rất nhiều quốc gia trên thế giới.

Ra đời cách đây 75 năm, Tuyên ngôn là một văn kiện có tính lịch sử nhưng không tránh khỏi những hạn chế của lịch sử do sự thỏa hiệp các ý kiến, lập trường khác nhau trong quá trình soạn thảo, tranh luận kéo dài gay gắt. Những hạn chế lịch sử này là⁽³⁾:

Thứ nhất, Tuyên ngôn nhấn mạnh đến tính phổ biến và những chuẩn mực chung về quyền con người, nhưng bỏ qua tính đặc thù và những khác biệt khi áp dụng chuẩn mực chung tại những nước khác nhau. Tính phổ biến và tính đặc thù là hai mặt không thể tách rời trong phạm trù quyền con người. Trên thực tế, thiếu sót nghiêm trọng nhất này của Tuyên ngôn đã dẫn đến coi nhẹ tính đặc thù, tính khác biệt cụ thể của quyền con người trong thực tiễn.

Việc hiện thực hóa các quyền con người luôn diễn ra trong những điều kiện và tình hình lịch sử cụ thể ở các quốc gia, các dân tộc khác nhau với các trình độ phát triển khác nhau. Quyền của mỗi cá nhân không chỉ gắn bó chặt chẽ với hệ thống chính trị - xã hội của quốc gia và trình độ phát triển kinh tế, văn hóa của xã hội đó, mà còn gắn với công việc, thói quen, cuộc sống của con người thuộc hệ thống cụ thể đó. Quyền không bao giờ có thể vượt qua, cao hơn chế độ kinh tế và trình độ phát triển văn hóa, xã hội mà mỗi nước đạt được. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền con người sẽ có những khác nhau ở mỗi giai đoạn lịch sử, ở các quốc gia khác nhau, thậm chí nó cũng khác nhau trong các quốc gia có cùng hệ thống xã

hội, nhưng có trình độ phát triển kinh tế, văn hóa không tương đồng.

Những hạn chế này đã được khắc phục, ví dụ trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (năm 1966); trong Hội nghị nhân quyền thế giới lần thứ nhất ở Têhêrăng (Iran) năm 1968, nhất là trong Hội nghị nhân quyền thế giới lần thứ hai ở Viên (Áo) năm 1993. Tuyên bố Viên và Chương trình hành động được thông qua tại Hội nghị nhân quyền thế giới lần thứ hai ở Viên (Áo) năm 1993 nhấn mạnh: “Tất cả các dân tộc đều có quyền dân tộc tự quyết. Với quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do theo đuổi con đường phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa”⁽⁴⁾. Về mối quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù của quyền con người, văn kiện này ghi rõ: “Tất cả các quyền con người đều mang tính phổ cập” song “phải luôn ghi nhớ ý nghĩa của tính đặc thù dân tộc, khu vực và bối cảnh khác nhau về lịch sử, văn hóa...”⁽⁵⁾.

Thứ hai, Tuyên ngôn đã quá chú trọng xem xét quyền con người là các quyền cá nhân, bỏ qua các quyền tập thể của các nhóm xã hội lớn, các dân tộc và quốc gia. Những người tham gia bỏ phiếu thông qua bản Tuyên ngôn năm 1948 chỉ nhận thức được rằng các giá trị và lợi ích cá nhân là cốt lõi của quyền con người, nên những nội dung chính của các quyền con người trong Tuyên ngôn là các quyền cá nhân. Những quy định này phù hợp với quan điểm nhân quyền tự nhiên của các nước phương Tây vốn coi quyền cá nhân là nhân quyền cốt lõi (các Điều 1, 3, 13, 16, 17, 19); và không đạt được sự đồng thuận trong cộng đồng thế giới. Chẳng hạn, quá trình chuẩn bị cho Hội nghị thế giới về quyền con người tại Viên, Áo (năm 1993) và nội dung của nó là một trong những tiền đề quan trọng góp phần vào việc kích hoạt sự hình thành quan

điểm “giá trị châu Á” về nhân quyền và dân chủ trong những năm 1970 - 1990.

Đánh giá “giá trị châu Á” về nhân quyền và dân chủ, nhiều học giả và chính khách phương Tây cho rằng, nó là sự đối lập với các giá trị phổ biến về quyền con người. Thậm chí có nhiều quan điểm cho rằng “giá trị châu Á” là một mối đe dọa đối với các giá trị nhân quyền phổ quát, vì nó đề cao giá trị và quyền của cộng đồng mà không coi trọng đúng mức quyền và các tự do cá nhân cơ bản. Vấn đề đặt ra là cần có cách nhìn nhận thỏa đáng và khách quan đối với quan điểm này.

Thực tế này cho thấy, quá trình hiện thực hóa quyền con người ở mỗi nước, thậm chí mỗi châu lục, là khác nhau do điều kiện thực tế của nước đó, châu lục đó. Như vậy, dù mang tính chất phổ quát, quyền con người không thể vượt qua được điều kiện hoàn cảnh cụ thể khi nó được hiện thực hóa. Và quyền cá nhân chỉ là một mặt của quyền con người. Quyền con người phổ quát không bị giới hạn ở khuôn khổ quan niệm của phương Tây về các quyền cá nhân, quyền dân sự, chính trị của cá nhân, mà còn tích hợp quan niệm về nhân quyền của các khu vực khác và bao hàm cả nhân quyền thuộc các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội trong đời sống xã hội. Quan niệm nhân quyền phổ quát, vì thế, cần phải bao hàm cả các hàm nghĩa tính tập thể cũng như các quyền văn hóa, xã hội và phát triển,...

Những hạn chế lịch sử này đã được LHQ từng bước khắc phục, chẳng hạn trong Tuyên bố và Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc năm 1953 và 1965, Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966. Đặc biệt từ giữa những năm 1980, LHQ đã đề xuất hàng loạt các quyền con người tập thể thuộc thể hệ thứ ba như quyền phát triển, quyền sống

trong môi trường trong lành, quyền hòa bình và các quyền của phụ nữ, quyền trẻ em, quyền của người khuyết tật, quyền các dân tộc thiểu số, quyền của người bản địa,...

Thứ ba, Tuyên ngôn trình bày giản lược và mất cân đối mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ. Kế thừa truyền thống pháp lý châu Âu, Tuyên ngôn trình bày các quyền trong 28 điều, nhưng chỉ có một điều bàn về nghĩa vụ, một cách chung chung (Điều 29). Hạn chế này dẫn đến sự lầm tưởng rằng, các quyền con người là tuyệt đối, không giới hạn, không bị hạn chế; còn nghĩa vụ, trách nhiệm chỉ có tính phái sinh, thứ yếu.

Cho đến nay, ở phương Tây, những giới hạn của nhân quyền không được công chúng và báo chí quan tâm. Hầu hết người phương Tây không biết đến các hạn chế đối với các quyền, hay tính tương đối của các quyền. Khi nghe quyền nào bị hạn chế ở đâu đó, họ lập tức coi đó là “vi phạm” nhân quyền. Họ không muốn phân biệt những hạn chế nhân quyền theo nguyên tắc cân xứng giữa quyền với nghĩa vụ và những vi phạm nhân quyền thỏa đáng hay không thỏa đáng. Thực ra tất cả các quyền con người đều không phải là tuyệt đối, mà luôn bị hạn chế bởi các nghĩa vụ đi kèm, liên quan đến quyền con người và lợi ích của những người khác, sự cần thiết phải bảo vệ cơ sở chế độ hiến pháp, đạo đức, sức khỏe, trật tự cộng đồng, bảo đảm phòng vệ đất nước, an ninh quốc gia, v.v..

Để khắc phục nhận thức một chiều này, trong những năm 1980, nhiều học giả và chính khách nổi tiếng trên thế giới như H. Smith (Đức), J. Cator (Mỹ), *Nelson Mandela* (Nam Phi), Lý Quang Diệu (Xingapo),... tổ chức Hội đồng hành động quốc tế (InterAction Council) đã ra “Tuyên bố chung về nghĩa vụ của con người” nhằm cân bằng với Tuyên ngôn thế giới về

quyền con người. Tuyên bố gồm 19 điều, trong đó xác định: Việc thừa nhận phẩm giá của tất cả mọi người, quyền tự do và bình đẳng không thể mua bán của họ và tình đoàn kết của họ với nhau, song “nghĩa vụ của con người cũng rất cần thiết được nhấn mạnh”. Tuyên bố cho rằng, khái niệm nghĩa vụ của con người nhằm làm cân bằng các khái niệm tự do và trách nhiệm. Nếu quyền gắn nhiều với tự do, thì nghĩa vụ đi liền với trách nhiệm. Tuyên bố nhấn mạnh: Chỉ duy trì hưởng thụ các quyền sẽ gây ra các xung đột; sự bỏ qua trách nhiệm của con người sẽ dẫn tới tình trạng vô luật pháp, vô kỷ luật và hỗn loạn. Để thoát khỏi tình trạng đó, bản Tuyên bố kêu gọi: Bất cứ ai có lý trí và lương tâm, trên tinh thần đoàn kết đều có một trách nhiệm đối với gia đình và xã hội, và thậm chí đối với chủng tộc, dân tộc và tôn giáo.

Những hạn chế nêu trên tạo ra một tình thế đa dạng, phức tạp trong thực tiễn. Một mặt, tất cả các quốc gia thành viên đều thừa nhận triết lý, các giá trị cao quý của nhân quyền, tinh thần hướng đạo nhân văn; nhưng mặt khác, mỗi nước có nhận thức và thực tiễn riêng trong việc thực hiện nhân quyền. Sự đa dạng thực tế trong các phương diện, lĩnh vực bảo đảm quyền con người, tính lý tưởng, tính định hướng triết lý, đạo đức của nhiều nhu cầu về nhân quyền trên thế giới,... rốt cuộc đã làm giảm tính hiệu năng của các quyền trong Tuyên ngôn.

Một số quốc gia còn lợi dụng vấn đề nhân quyền theo “tính đặc thù” riêng mình để chính

trị hóa vấn đề nhân quyền. Để hóa giải các mâu thuẫn, xung đột hiện nay giữa các quốc gia trên thế giới về vấn đề nhân quyền, con đường hợp lý là đối thoại và hợp tác, chứ không phải là con đường chỉ trích, phê phán hay lợi dụng can thiệp bằng bạo lực nhân danh nhân quyền. Do đó, đối thoại và hợp tác là phương thức để thúc đẩy đúng hướng việc tiếp tục hiện thực hóa các quyền được nêu trong Tuyên ngôn.

3. Tình hình thực hiện và phương hướng, giải pháp

Cho đến nay, Việt Nam đã gia nhập và ký kết hàng chục công ước quốc tế về quyền con người. Để bảo đảm ngày càng đầy đủ các quyền con người được công nhận trong Tuyên ngôn và pháp luật quốc tế nói chung, Việt Nam đã tích cực tiến hành các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp, thực hiện các chính sách

phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và tích cực hợp tác quốc tế trên lĩnh vực nhân quyền. Trong thời kỳ đổi mới, Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu trong bảo đảm, thúc đẩy quyền con người như: duy trì liên tục việc cải thiện quyền về mức sống nhờ thường xuyên đạt được mức tăng trưởng kinh tế cao; mức bao phủ của bảo hiểm y tế, an sinh xã hội rộng khắp; tỷ lệ phụ nữ tham chính trong nhóm dẫn đầu thế giới; có chỉ số phát triển con người liên tục tăng và được xếp vào nhóm cao.

Hiện nay, Việt Nam đang phải đối diện với không ít những tác động không tích cực, thách thức đến công tác bảo đảm quyền con người,

như sự phân hóa giàu nghèo gia tăng; tình trạng quan liêu, tham nhũng chưa được ngăn chặn, đẩy lùi... Song, thành tựu bảo đảm quyền con người vẫn vượt trội so với những hạn chế, thiếu sót và thách thức mà đất nước đang phải đối diện. Vì thế, sự áp đặt mô hình dân chủ, nhân quyền nào đó từ bên ngoài, sẽ không bao giờ được nhân dân Việt Nam chấp nhận.

Phương hướng, giải pháp tiếp tục thúc đẩy bảo đảm quyền con người ở Việt Nam theo tinh thần của Tuyên ngôn

Một là, tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế, trong đó chú trọng kêu gọi các nước cần thông hiểu và tôn trọng những đặc thù riêng của nhau, cùng đoàn kết, đối thoại và hợp tác, để tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người, tích cực góp phần giải quyết những vấn đề toàn cầu trên cơ sở đề cao chủ nghĩa đa phương, tôn trọng luật pháp quốc tế và Hiến chương LHQ.

Trên cương vị là thành viên của Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2023-2025, Việt Nam sẽ chủ động, tích cực tham gia dẫn dắt, thúc đẩy các sáng kiến để thể hiện dấu ấn và phát huy lợi ích của mình theo các hình thức phù hợp với quy định và thông lệ tại Hội đồng Nhân quyền. Trong đó, trước tiên coi trọng việc làm sáng tỏ tính lịch sử - cụ thể trong tiếp cận tính phổ quát (hay phổ biến) của nhân quyền được nêu trong Tuyên ngôn. Tính phổ quát này không phải là sản phẩm có tính trừu tượng hay sản phẩm của dân tộc này, khu vực này gán cho các dân tộc khác, khu vực khác, mà là kết quả tổng hòa các giá trị, quy phạm tiến bộ của các quốc gia được cộng đồng quốc tế công nhận, tôn trọng, bảo vệ, thực hiện và thúc đẩy. Đồng thời, chú ý nắm bắt những điều chỉnh, phát triển quyền con người tại các nước trên thế giới để góp phần bổ sung, phát triển một số khía cạnh trong nhận thức lý luận về

bảo đảm quyền con người và thúc đẩy đối thoại, hợp tác, đấu tranh trên lĩnh vực quyền con người phù hợp với thực tiễn hiện nay.

Trên cơ sở đó, kêu gọi các quốc gia cần thông hiểu và tôn trọng những đặc thù riêng của nhau, cùng đoàn kết, đối thoại và hợp tác, để tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người và giải quyết những vấn đề toàn cầu trên cơ sở đề cao chủ nghĩa đa phương, tôn trọng luật pháp quốc tế và Hiến chương LHQ. Trong đó, cần ưu tiên tập trung thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của LHQ và các cam kết về thích ứng với biến đổi khí hậu. Để bảo đảm sự thụ hưởng đầy đủ các quyền con người trên phạm vi toàn cầu, Hội đồng Nhân quyền LHQ cần đóng vai trò trung tâm trong thúc đẩy sự đối thoại một cách xây dựng, bình đẳng và hợp tác hiệu quả giữa các quốc gia trên cơ sở tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau và với cách tiếp cận tổng thể về quyền con người.

Là một nước thành viên của ASEAN và Liên hợp quốc, Việt Nam cần tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ các nguồn lực, đồng thời chia sẻ cơ hội, học tập kinh nghiệm các nước khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực bảo đảm quyền con người. Việt Nam có thể thực hiện một số giải pháp, như: luân phiên đăng cai tổ chức các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ quan điểm về lĩnh vực nhân quyền, nhất là về những chủ đề cụ thể, như ngăn chặn buôn bán phụ nữ, trẻ em; ngăn chặn sử dụng lao động trẻ em; ngăn chặn các tà đạo trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc;... nhằm góp phần làm cho thế giới hiểu biết về tình hình nhân quyền tại Việt Nam, hạn chế được những đối đầu, xuyên tạc của các thế lực thù địch trên lĩnh vực nhân quyền.

Hai là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý để tăng cường tôn trọng, bảo vệ, thực

hiện và thúc đẩy các quyền con người ở Việt Nam.

Để làm tốt phương hướng này, cần có kế hoạch tổng thể trong chiến lược xây dựng pháp luật quốc gia dài hạn và hàng năm, trong đó tiếp tục chú trọng thể chế hóa pháp luật về quyền con người đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013, nhất là xác định những quy phạm hợp lý để cụ thể hóa sâu rộng hơn; quy định cơ chế bảo đảm thực thi trên cơ sở kế thừa có chọn lọc và kết hợp đồng bộ giữa luật quốc gia và điều ước quốc tế về quyền con người nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu của hội nhập, hợp tác và phát triển trong khu vực và thế giới; tiếp tục nỗ lực tích cực tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người; đẩy mạnh quá trình nghiên cứu, đánh giá và xem xét để ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam chưa tham gia.

Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính nhà nước nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước theo thể chế nhà nước pháp quyền; trong đó, coi trọng sự tinh gọn của bộ máy chính quyền từ Trung ương đến địa phương; thực hiện những quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan để tránh chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức, chính trị và trình độ chuyên môn; khắc phục những yếu kém như tệ quan liêu, tham nhũng, hách dịch, cửa quyền; tiếp tục thực hiện các hoạt động tiếp dân để giải quyết các vướng mắc, khiếu tố, khiếu nại của dân nhằm bảo đảm quyền lợi cho dân. Đồng thời, tăng cường cơ chế giám sát, kiểm tra hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế hoặc những vi phạm các quy định về quyền con người.

Tiếp tục kết hợp chặt chẽ các chính sách phát triển kinh tế với chính sách xã hội để “tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ, công bằng xã hội”; tăng cường hợp tác quốc tế để tranh thủ thu hút đầu tư nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho mọi người dân; có nhiều chính sách ưu tiên hơn nữa cho nhóm dễ bị tổn thương và thu hẹp dần khoảng cách giàu nghèo, nhằm tạo cơ sở cho việc thực hiện quyền bình đẳng và tự do, dân chủ của người dân.

Ba là, tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân, nhất là các cơ quan nhà nước về vấn đề quyền con người.

Tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quyền con người để mọi cán bộ, đảng viên và người dân nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng, bảo vệ, thực hiện và thúc đẩy các quyền con người trong cuộc sống. Cần tiếp tục thực hiện lồng ghép giáo dục quyền con người vào hệ thống giáo dục quốc dân (phổ thông, nghề nghiệp, đại học) và vào giáo dục chính trị thuộc hệ thống trường Đảng □

*Ngày nhận: 14-8-2023; Ngày bình duyệt: 5-9-2023;
Ngày duyệt đăng: 14-9-2023.*

(1) Xem: Guðmudur Aleredsson và Asbjorn Eide (chủ biên): *Tuyên ngôn quốc tế 1948 - Mục tiêu chung của nhân loại*, Nxb Lao động và xã hội, Hà Nội, 2011, tr.21-24.

(2), (4), (5) Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người: *Các văn kiện quốc tế cơ bản về quyền con người*, tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội, 1994, tr.34, 43, 44.

(3) Xem Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người: *Tuyên ngôn thế giới và hai công ước 1966 về quyền con người*, Hà Nội, tháng 8-2002.